

## Trại Tỵ Nạn Guam

“Két, két, két...!” Chiếc xe buýt từ từ chậm lại, ngừng, rồi vài ba giây sau rú lên chạy tiếp. Chúng tôi, khoảng 70 người trên xe, đang dật dờ nửa mơ nửa tỉnh, giật mình bừng tỉnh dậy, nhón nháo, xôn xao không biết chuyện gì xảy ra. Hỏi ra mới biết rằng xe chạy đến một ngã tư có stop sign nên người tài xế ngừng xe lại, kiểm soát phải trái, rồi chạy tiếp. Chúng tôi đang trên đường từ bến tàu Apra, đảo Guam, đến trại tỵ nạn Orote Point. Lúc đó khoảng 2 giờ sáng, trời còn tối mịt. Con đường làng quanh co dẫn qua vùng rừng hoang vắng, tĩnh mịch, không một bóng người, không một bóng xe. Năm ba căn nhà trệt, mái tôn, nằm lưa thưa hai bên lề, dưới ánh đèn đường leo lét. Các cây dừa, cây chuối trong các căn vườn ản hiện qua ánh đèn xe. Một cảnh trí không khác gì thôn quê Việt Nam, làm ai nấy cũng chạnh lòng, xót xa. Tuy biết rằng mình đã thoát đến được một nơi an bình, trong lòng mỗi người chúng tôi vẫn còn vương vấn nỗi lo sợ bom đạn và chết chóc.

Trước đó mười bốn ngày, ngày 29 tháng 4, 1975, Sài Gòn bị vòng vây của hơn 100,000 quân lính Bắc Việt, với xe tăng, hỏa tiễn, xiết chặt. Gia đình tôi, cũng như hàng ngàn người khác, chạy khắp mọi nơi tìm chỗ ẩn náu, hoặc đường trốn thoát. Đạn pháo kích đã bắt đầu rơi vào thành phố từ đêm hôm trước, tàn phá biết bao nhà cửa và gây biết bao chết chóc, thương tích, và kinh hoàng. Căn nhà đối diện nhà tôi ở Ngã Tư Bảy Hiền bị đạn pháo kích phá tan. Gia đình sáu người chết hết; thây xác được người hàng xóm lôi ra để bên đường chờ thân nhân đến nhận. Vào sâu trong hẻm, hai ba căn nhà khác bị nổ cháy, khói còn bốc, xác người nằm la liệt. Phi trường Tân Sơn Nhất đã đóng cửa vì bị pháo kích quá nặng nề. Các cuộc chạm súng giữa chiến sĩ VNCH và quân lính Bắc Việt chung quanh thành phố trở nên gay gắt, quyết liệt. Tiếng súng, tiếng bom càng lúc càng dữ dội, càng lớn, càng gần. Khói đen bốc lên khắp nơi từ các căn nhà bị cháy. Trên trời, các chiếc tàu bay trực thăng của Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ lần lượt đưa người Mỹ và người Việt liên hệ từ tòa đại sứ ra Hạm Đội 7 đang nằm đợi ngoài khơi. Các đường lộ dẫn ra Sài Gòn bị tắc nghẽn. Bến Bạch Đằng đầy cả người, chen lấn, xô đẩy để leo lên một vài chiếc tàu đang bỏ neo. Suốt ngày hôm đó, chúng tôi, dón trong một chiếc xe LaDalat nhỏ, chạy từ chỗ này đến chỗ nọ tìm lối

thoát, nhưng không thành. Đến chiều, khi đang tìm đường chạy ra Gò Công, cách Sài Gòn khoảng 40 miles về phía nam, chúng tôi gặp một đũa bé trên con đường làng dọc theo một dòng sông ngoài Chợ Lớn. Nó dẫn chúng tôi đến một chiếc tàu đang cập neo ở giữa sông, mà nó nghĩ là đang đợi để trốn ra Việt Nam; chiếc tàu tên là Tourane-3. Mâu nhiệm thay, chiếc tàu này là của một người cậu bà con của tôi. Trước đó, nó là một tàu buôn giữa Việt Nam và Cam Bốt. Sau khi Cam Bốt bị rơi vào tay quân Khờ-me Đỏ, cậu mua lại chiếc tàu này để tổ chức cuộc trốn thoát Việt Nam với những người quen. Thế là chúng tôi được phép lên tàu, lòng tràn đầy hy vọng. Trong hầm tàu ngột ngạt, hôi hám, tối đen đã có hơn 300 người đang nằm chen chúc chờ đợi từ hai ngày trước. Hôm sau, ngày 30 tháng tư, khoảng 10:30 sáng, Tổng Thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng. Lập tức, chiếc tàu Tourane-3, cùng với cả hàng chục tàu bè lớn nhỏ khác, đổ xô ra biển. Trên đường ra khơi, tàu Tourane-3 vớt thêm nhiều người, hầu hết là các người lính VNCH thất trận đổ thoát trên các ghe thuyền nhỏ. Khi ra đến biển thì số người trên tàu chúng tôi lên đến hơn 500. Cùng lúc đó, biết bao tàu bè của hải quân VNCH tụ tập quanh đảo Côn Sơn cũng nhỏ neo tiến đông về phía Hạm Đội 7 Hoa Kỳ. Sau 2 ngày lên đèn trên biển, chúng tôi được tuần dương hạm



HQ-16 Lý Thường Kiệt vớt và đưa đến Subic Bay, Phi Luật Tân, trong một cuộc di tản bi thảm của hơn 70,000 người dân và binh lính, chen chúc trên 29 chiếc tàu VNCH và các chiến hạm và tàu vận tải khác của Hoa Kỳ. Tại Subic Bay, gia đình chúng tôi, trong số hơn 4000 người, được chuyển qua chiếc tàu hàng Green Forest đưa đến đảo Guam. Chúng tôi cập bến Apra, Guam, lúc 1 giờ sáng ngày 13 tháng 5, 1975, cùng ngày với 3 chiếc tàu khác là Green Port, Green Wave, và Sergeant Truman Kimbro; tất cả có hơn 16,000 người. Sau khi làm thủ tục giấy tờ, chúng tôi được chia ra

từng nhóm dẫn ra xe buýt đưa đến trại tỵ nạn Orote Point cách đó khoảng nửa tiếng lái xe.

Guam là một hòn đảo thuộc nước Hoa Kỳ, nằm cách Phi Luật Tân 1500 miles về phía đông, ở vùng mưa nhiệt đới, với diện tích 210 mile vuông. Phía bắc Guam là một vùng cao nguyên đá vôi; phía nam là vùng núi lửa. Chỉ có 9% đất đai của đảo là trồng trọt được với các loại cây ăn trái, dứa, và rau cải. Guam có nhiệt độ trung bình là 76F đến 86F, và độ ẩm trung bình là 66%. Năm 1668, Tây Ban Nha chiếm đảo Guam làm thuộc địa. Đến năm 1898, Hoa Kỳ đánh bại Tây Ban Nha trong cuộc chiến tranh giành thuộc địa, và Guam trở thành sở hữu của Hoa Kỳ. Vào tháng 12, 1941, sau khi tấn công oanh tạc căn cứ Hải Quân Hoa Kỳ tại Tân Châu Cảng, Hawaii (Pearl Harbor), Nhật đánh chiếm đảo Guam. Vào tháng 7, 1944, Hoa Kỳ đánh bại Nhật ở Guam và tái chiếm đảo này. Đến năm 1950 thì Guam chính thức trở thành một lãnh thổ của Hoa Kỳ. Trong cuộc chiến tranh Việt Nam, Guam là nơi Hoa Kỳ có căn cứ Hải Quân và Không Quân rất quan trọng. Năm 1975, sau khi Sài Gòn thất thủ, chính phủ Hoa Kỳ cất trại tỵ nạn ở Guam để tạm trú hàng chục ngàn người Việt trốn thoát. Ngày nay, Guam là một nơi du lịch thịnh hành cho dân Nhật, Đại Hàn, và Phi Luật Tân.

Đầu tháng 4, 1975, tình hình Sài Gòn trở nên nguy cấp, và vào ngày 15, Hoa Kỳ bắt đầu di tản người Việt có nguy cơ bằng đường bay. Họ chọn Guam làm nơi tạm trú để làm thủ tục nhập cư trước khi đưa người tỵ nạn vào



lục địa Hoa Kỳ. Mỗi ngày, các tàu bay quân sự và dân sự liên tục đưa người từ phi trường Tân Sơn Nhất đến Phi Luật Tân, tiếp tế nhiên liệu, rồi bay đến Guam. Sáng sớm ngày 29 tháng 4, phi đạo

Tân Sơn Nhất bị pháo kích nặng nề và phải đóng. Cuộc không vận người được đổi qua các tàu bay trực thăng của Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ, bốc người từ tòa đại sứ Hoa Kỳ và các địa điểm khác ở Sài Gòn đưa ra Hạm Đội 7, rồi cùng các tàu bè khác đi tản đến Phi Luật Tân. Ở đó, mọi người được chuyển qua các chiếc tàu buôn lớn đưa đến Guam.

Chiếc tàu bay chở người tỵ nạn đầu tiên đáp xuống Guam vào ngày 21 tháng 4, với 99 người. Vài ngày sau, số người đáp xuống mỗi ngày lên đến 5,000. Đến cuối tháng tư thì tổng số người đáp xuống Guam được gần 40,000. Trong khi đó, hơn 70,000 người tỵ nạn đang đổ xô ra biển trên các chiếc tàu bè lớn nhỏ, hướng về Phi Luật Tân. Lúc đầu, chính phủ tạm trú người tỵ nạn ở căn cứ Không Quân Andersen và làng Asan ở Guam, chờ làm thủ tục giấy tờ nhập cảnh, rồi sau đó đưa vào các trại tỵ nạn ở lục địa, như là Camp Pendleton, CA, Fort Chaffee, AR, căn cứ Không Quân Eglin, FL, và Camp Indiantown Gap, PA, để làm thủ tục định cư. Khi số dân tỵ nạn đến quá nhanh làm ứ đọng nhà cửa tạm trú ở hai nơi này, quân đội Hoa Kỳ nỗ lực ngày đêm cất một trại tỵ nạn lớn ở Orote Point ở ven biển phía tây của Guam.

Căn cứ Andersen, nằm ở cực đông bắc đảo Guam, là nơi đón nhận người tỵ nạn di tản bằng tàu bay và cũng là nơi tàu bay đưa người vào lục địa Hoa Kỳ sau khi thủ tục nhập cảnh của họ được hoàn tất. Trại này dùng các dãy nhà tôn cho lính còn tồn tại từ chiến tranh Việt Nam, và do đó được gán tên là “Tin City,” có nghĩa là “Thành Phố Tôn.” Trại chứa được vài ngàn người. Trại Asan nằm ở làng Asan thuộc miền trung Guam. Trại này cũng

chứa được khoảng vài ngàn người, gồm có những nhà chung cư quân đội bỏ hoang, được dọn dẹp, sửa sang lại. Trại Orote Point là trại lớn nhất, chứa được hơn 50,000 người,



nằm cách bến tàu Apra 10 miles, nơi tàu bè tỵ nạn cập. Trại này nằm ở một vùng đất hoang, xưa là sân bay quân đội của Nhật. Trong vòng 2 tuần lễ, quân lính Hoa Kỳ san bằng một vùng đất rộng 500 acre, dựng lên 3,546 căn lều, mỗi lều chứa được 15 người, 400 nhà cầu di động, 148 nhà tắm, 9 nhà ăn, 2 nhà thương, văn phòng làm thủ tục nhập cảnh, văn phòng Hồng Thập Tự và các cơ quan thiện nguyện trong các nhà trailer, và chợ lính PX. Tổng cộng, họ gắn 20 miles ống nước và 11 miles dây điện.

Mọi người trên chiếc xe buýt xăm xỉ bàn tán tại sao người tài xế cần phải ngừng xe lại ở ngã tư để kiểm soát giao thông trước khi tiếp tục chạy, trong đêm khuya thanh vắng không một bóng xe, bóng người, bóng cảnh sát. Thật là một điều lạ! Có người cười anh ta quá thật thà, khờ khạo. Có người khen anh ta có kỷ luật. Riêng tôi thì đây là đặc tính đầu tiên của xã hội Mỹ mà tôi được chứng kiến, đó là sự tự giác và tự trị mà mãi đến sau này tôi mới thấu hiểu được cái giá trị và tầm quan trọng của nó. Khi đến trại Orote Point, mỗi người chúng tôi được phát một bao đựng các đồ linh tinh như là bàn chải và kem đánh răng, thỏi xà bông, giấy vệ sinh, khăn..., rồi đưa đến lều. Lều nằm trên sàn đất, chứa được 15 người, mỗi người được một ghé bó để ngủ. Gia đình chúng tôi ở chung lều với gia đình người cậu, lều số 33, trại 38. Lúc đó đã hơn hai giờ sáng. Căn trại yên lặng, chỉ có tiếng động của chiếc xe buýt, tiếng xào xạc của chúng tôi dọn vào lều, và tiếng rì rì đầu đó của máy phát điện. Chúng tôi mệt lã và chỉ muốn nằm xuống ngủ. Cái giường bố tuy tầm thường nhưng là một xa hoa so với sàn tàu nhoi nhọc, lắc lư, hôi hám. Trong chốc lát, ai nấy đều chìm đắm trong giấc ngủ.

Hôm

sau, khi chúng tôi thức dậy, trời đã gần trưa. Chúng tôi rủ nhau đi rửa ráy và lãnh đồ ăn. Sau hai tuần lễ trên biển,



chúng tôi thềm được tắm nước ngọt và ăn một bữa ăn nóng. Trời xứ đảo nắng chan chan, oi bức. Đất đai trơ trọi, bụi bặm, không một bóng cây, không một bóng mát, chỉ toàn là lều và người. Trại Orote Point được chia ra làm nhiều khu với các dãy lều nằm san sát nhìn xa bất tận. Do đó, trại này còn được gọi là *Tent City*, hoặc *Thành Phố Lều*. Cách hai ba dãy lều có một nhà cầu di động gồm 4, 5 gian. Hầm cầu đào dưới đất có thùng chứa, khi đầy thì có xe đến hút. Nếu sau vài ngày mà chưa hút là mùi hôi nồng nực bay lên khắp cả vùng, ngay cả thuốc khử trùng mạnh nhất cũng không giảm được mùi hôi. Cách đó không xa là nhà tắm, 4, 5 gian, làm bằng gỗ, không mái, vách che từ chân đến cổ, trên gắn vòi nước dẫn từ một thùng nước lớn. Gần nhà tắm là các dàn gỗ để giặt áo quần, rửa ráy. Mỗi khu trại có một nhà ăn nằm dưới 2, 3 căn lều lớn. Bên ngoài, cả trăm người sắp hàng kiên nhẫn dưới nắng đợi lãnh cơm, không chen lấn, không dành dặt, đúng là nhập gia tùy tục. Rải rác chung quanh trại là các cột đài cao gắn loa, cả ngày loan tin tức hoặc thông báo các thủ tục, sinh hoạt của trại, hoặc tìm người thất lạc, v.v. Cách lều của chúng tôi không xa có một bãi đất dành để chiếu phim giải trí ngoài trời mỗi đêm.

Số người tỵ nạn ở trại Orote Point tột đỉnh lên đến 50,000, nên trại giống như là một thành phố. Đi đâu cũng thấy lều và người. Đi đâu cũng thấy sắp hàng, đặc tính thứ hai của xã



hội Mỹ mà tôi được chứng kiến, đó là sự tôn trọng trật tự và lẫn nhau. Mỗi ngày, các xe buýt lần lượt đưa người vừa cập bến Apra đến nhập trại, trong khi những chiếc khác chờ những người được xuất trại đến căn cứ Andersen đợi tàu bay đi Mỹ. Ở nhà thương, bác sĩ và y tá bận rộn khám bệnh, khám răng, chữa trị. Lúc đó có nhiều trẻ em bị bệnh vì thiếu dinh dưỡng. Văn phòng Hồng Thập

Tự và các cơ quan từ thiện khác mở cửa nguyên ngày để phát các thứ cần dùng. Chợ PX bán đủ loại đồ đạc, kể cả rau cải, và có gian hàng mua vàng, đồng hồ, và nữ trang, và gói tiền. Ở văn phòng làm thủ tục giấy tờ, người ta ra vào liên tục, nét mặt hớn hở vì hồ sơ của gia đình có tiến triển, nhưng cũng đăm chiêu vì không biết tương lai trên xứ lạ quê người sẽ ra sao. Trên các bảng thông báo dán những thủ tục giấy tờ, nhắn tin cho người thân, và tìm người thất lạc. Một nhóm người đứng ra sản xuất một tờ nhật báo, tên là Chân Trời Mới, với sự hỗ trợ tài chánh và vật dụng của các cơ quan thiện nguyện, báo chí địa phương, và chính phủ. Tờ báo chỉ được vài trang nhưng rất ích lợi cho người tỵ nạn, với những tin tức quan trọng trong ngày, thông báo thủ tục giấy tờ, và nhắn tin kiếm người thân. Tờ báo miễn phí này mỗi ngày in ra đến 10,000 tờ.

Trong ngày, việc quan trọng nhất của chúng tôi là lãnh đồ ăn cho hai buổi sáng và tối; mỗi lần sắp hàng mất đến 2, 3 tiếng đồng hồ. Nhà ăn, do quân đội đảm trách, mở cửa mỗi ngày 2



lần, từ 7 đến 11 giờ sáng và từ 3 giờ chiều đến 8 giờ tối. Khi vào nhà ăn, mỗi người được phát một khay có ngăn, rồi lần lượt có người múc đồ ăn bỏ vào. Bên trong có một số bàn ghế để ngồi ăn, nhưng không đủ nên phần đông người ta đem đồ ăn về lều. Phía sau nhà ăn là bếp nấu và rửa ráy. Đồ ăn nấu tập thể cho cả ngàn người nên toàn là đồ hộp, rất đơn sơ, không mặn mòi, không thơm mỹ. Thực đơn thông thường nhất là cơm với cá ngừ hộp (canned tuna), đậu ve hoặc bắp. Món tráng miệng là sốt táo lon (apple sauce) hoặc chuối. thỉnh thoảng chúng tôi được phát một vá trái cây hộp (fruit cocktail) gồm một hai lát đào, cam, thơm, và táo cắt cục..., ngọt và thơm ngon tuyệt vời, nhưng không đủ để thỏa mãn nổi thèm thường. Nhà ăn nhận người tỵ nạn vào giúp việc, không

được trả tiền nhưng được cho đồ ăn mà mình muốn. Tôi xin vào giúp bếp, và mỗi lần xong việc, tôi xin một lon trái cây lớn đem về lều chia cho gia đình ăn. Tôi làm các việc lật vật như là rửa khay và nồi niêu và giúp bếp. Một hôm, khi loay hoay mở lon đồ ăn, tôi trượt tay và bị nắp sắt cắt ngang bàn tay một đường khá sâu, máu chảy lai láng. Nhân viên trong bếp lấy khăn quấn chặt tay tôi lại, trong khi gọi xe cấp cứu chở tôi đến nhà thương.

Nhà thương là một vài nhà trailer nối liền nằm ở một khu trại khác. Cô y tá người Mỹ đặt tôi ngồi trên giường bệnh rồi cẩn thận xem xét vết thương. Xong, cô lấy thuốc rửa, chích thuốc tê, lấy kim chỉ may 3,4 mũi, rồi băng vết thương lại. Vừa làm cô ta vừa ân cần hỏi han, nhưng tôi không nghe kịp, chỉ nhận ra được vài ba chữ căn bản như là *good, hurt, clean*. Tôi chỉ biết gật gù, ừ hừ mà thôi. Sau khi xong, tôi lấy hết can đảm nói với cô ta, *Thank you!* Cô ta mỉm cười đáp lại một tràng tiếng Anh làm tôi ngớ cả người, không hiểu. Tưởng cô ta nghe không rõ, tôi lặp lại, *Thank you!*

Cô ta lại đáp một tràng tiếng Anh, và một lần nữa, tôi ngớ cả người. Tôi thất vọng vì vốn liếng Anh vãn của tôi, tuy luôn đứng đầu trong lớp, chưa đến đâu cả trên đất Mỹ. Tôi lần



thần ôm bàn tay đau đi về lều, vừa đi vừa vắn óc suy nghĩ cô y tá đã nói gì. Về lều, tôi kể cho mẹ tôi chuyện gì đã xảy ra. Tôi hỏi mẹ tôi, một giáo sư Anh văn, cô y tá đã nói gì khi tôi cảm ơn cô ta. Tôi ráng nhớ và lặp lại những gì tôi nghe được cho mẹ tôi. Bà cười và đáp, *Cô ta nói, you are welcome!*

Ngoài giờ sắp hàng lãnh đồ ăn, chúng tôi thay phiên nhau đi lãnh áo quần, giày dép, và đồ dùng vệ sinh ở văn phòng Hồng Thập Tự hoặc các cơ quan thiện nguyện khác. Ở các nơi này cũng phải sắp hàng dài, nắng mưa bất kể; có khi sắp hàng cả buổi mà không được gì cả, phải về tay không. Có người lãnh đồ xong đem



ra “chợ trời” bán lấy tiền đô la. Thỉnh thoảng chúng tôi đi quanh trại để thăm dò tin tức hoặc mong tìm gặp được bạn bè hay người thân. Ba tôi nghe kể nhiều chuyện trốn thoát rất bí ẩn, như gia đình bị thất lạc nhau, hoặc người rơi xuống biển chết khi chen lấn chuyển từ chiếc tàu này qua chiếc tàu khác trên biển khơi. Dân Phước Tỉnh, một làng đánh cá gần Vũng Tàu, kể rằng hơn 90% dân làng của họ trốn thoát đến Guam.

Một hôm, khi đang lang thang, tôi tình cờ gặp 2 chị bạn học cùng lớp 9 trường Nguyễn Thượng Hiền, Sài Gòn, mà trước đó hơn một tháng chúng tôi cùng các bạn khác chia tay nhau khi trường phải đóng cửa, trong cơn hỗn loạn, bi quan, lo lắng, không biết khi nào sẽ gặp nhau lại. Chúng tôi mừng rỡ ríu rít hỏi han nhau, *Bạn rời Việt Nam khi nào? Bằng cách nào? Biết ngày đi Mỹ chưa? Sẽ đi đâu? Có gặp bạn nào khác ở trại không?* Một chị thoát đến Guam cùng với mẹ và anh chị em, nhưng bố thì bị kẹt lại Sài Gòn. Chị kia thì giấy tờ nhập cảnh Hoa Kỳ đã xong và đang đợi ngày đi. Một chị cho tôi hay có một chị bạn nữa trốn được đến Guam. Lòng tôi lâng lâng hy vọng sẽ tìm được 2 đứa bạn thân của tôi. Sau khi trường học đóng cửa chúng nó đến nhà tôi chào tạm biệt, vì gia đình có được giấy tờ di tản ra nước. Nhưng cuối cùng tôi không tìm được 2 đứa nó, có lẽ vì quá đông người, hoặc có lẽ vì gia đình chúng nó không thoát ra được.

Vào buổi tối, sau khi ăn cơm xong, anh em chúng tôi hay dẫn nhau đi xem phim chiếu ngoài trời. Họ chiếu các phim hoạt họa vui cười như là Mickey Mouse, Donald Duck, Looney Tunes, và Road Runners. Bãi đất đầy cả người, đủ lứa tuổi, ngồi trên đất, trên mền, hoặc ghé bó, vừa thưởng thức vừa hóng mát. Tôi hoàn toàn không hiểu đối thoại trong phim, nhưng từ những hành động khôi hài của các con thú, tôi cũng đoán sơ sơ được chuyện. Đêm khuya giữa trời, gió mát hiu hiu thổi; màu sắc bay nhẩy trên màn ảnh; tiếng nhạc, tiếng cười, tiếng nói, tiếng vỗ tay thỉnh thoảng bị át đi bởi thông tin tìm người thất lạc trên loa. Chim đấm trong bầu không khí nhộn nhịp, tôi ngồi suy nghĩ lung tung...

Tôi cảm thấy an bình, không còn lo sợ hỗn loạn, bom đạn, chết chóc, hoặc tàn phá. Một an bình mà trước đó, trong suốt 15 năm tuổi đời của tôi, chỉ có trong mơ mộng, trong cầu xin, mà tôi nghĩ sẽ không bao giờ đến. Cuộc sống tỵ nạn tuy đơn sơ và thiếu thốn mọi điều, nhưng sung túc so với những ngày lênh đênh trên

biển. Túp lều trú tuy tạm bợ, chật chội, mảnh khảnh, nhưng an toàn và thoải mái so với hầm tàu u tối. Các hàng người sắp hàng tuy dài vô tận, nhưng ở đầu hàng là những bàn tay nhân đạo đón tiếp thay vì những khuôn mặt dữ dằn đe dọa. Thịnh thoảng trong lòng tôi vẫn băng khuâng không biết an bình này thật hay ảo, hoặc lo rằng nó sẽ bị lấy mất đi.



Tôi buồn vì nhớ Việt Nam, người thân, và bạn bè, nhiều khi ghen ngào rơi nước mắt. Tôi vui khi nghĩ đến cuộc gặp gỡ 2 chị bạn học cùng lớp. Tôi ráng nhưng không hình dung được cuộc sống trên đất Mỹ, chỉ biết rằng vốn liếng tiếng Anh của mình còn quá ít ỏi.

Đêm ngày 4 tháng 6, sau hơn 3 tuần ở trại Orote Point, gia đình tôi xong giấy tờ nhập cảnh và được đưa đến trại Andersen đợi tàu bay đi Mỹ. Vào 11 giờ sáng ngày 7 tháng 6, chúng tôi lên xe buýt ra phi trường, lên chiếc máy bay quân đội bay đến Los Angeles, trên đường ngừng ở Honolulu để lấy xăng. Chúng tôi đáp xuống phi trường Los Angeles lúc 11 giờ đêm ngày 7 tháng 6, rồi được xe buýt chở đến Trại Pendleton cách đó 84 miles về phía nam. Chúng tôi ở trại này 16 ngày đợi làm thủ tục định cư, và được một gia đình gốc Hung Gia Lợi ở thành phố Pullman, WA, bảo lãnh, với sự hợp tác của các nhà thờ địa phương. Ngày 23 tháng 6, chúng tôi đặt chân đến thành phố Pullman, bắt đầu cuộc sống hoàn toàn mới lạ.

Trong số hơn 130,000 người Việt tỵ nạn được Hoa Kỳ nhận vào năm 1975, khoảng 110,000 người tạm trú ở Guam. Thời gian trung bình họ ở đây là 2 tuần. Gia đình tôi ở 3 tuần, và có gia đình ở hơn cả 2 tháng. Dân số tỵ nạn ở Guam lên đến tột đỉnh vào ngày 13 tháng 5, với 50,450 người. Đến ngày 3 tháng 7 thì còn lại khoảng 1500 người không muốn nhập cảnh Hoa Kỳ và muốn trở về Việt Nam. Họ được đưa về trại Asan, đợi điều đình giữa hai

chính phủ Hoa Kỳ và Việt Nam. Các trại khác đều đóng cửa. Ngày 16 tháng 10, chiếc tàu buôn Thương Tín rời bến Capra đem theo 1,546 người về lại Việt Nam, chính thức chấm dứt chương trình người Việt tỵ nạn ở Guam.

Mỗi lần nghĩ lại cuộc vượt thoát Việt Nam của 45 năm về trước, tôi rất cảm tạ lòng nhân đạo và cảm phục tài năng của nước Mỹ. Trong vòng 3 tuần lễ, họ vừa cứu vớt cả chục ngàn người từ bên kia nửa vòng thế giới, vừa dựng trại tỵ nạn trên một hòn đảo nhỏ nhoi của biển Thái Bình Dương bao la, nằm cách lục địa cả 6,000 miles. Họ điều động mọi thành phần của một quốc gia, từ các cơ quan chính phủ liên bang và tiểu bang đến các cơ quan thiện nguyện, các tổ chức tôn giáo, cộng đồng, công dân để góp tay giúp đỡ và định cư người tỵ nạn. Trong vòng 6 tháng, họ đón nhận và định cư hơn 100,000 người trên khắp các tiểu bang. Họ sẵn sàng mở rộng cánh tay tiếp đón những người hoàn toàn xa lạ, thuộc đủ loại thành phần, vào nhà, lo cho miếng ăn, chỗ ngủ, học hành, việc làm.... Và điều cao cả hơn hết là những người xa lạ này là hậu quả của một vết đen trong lịch sử của họ, một vết đen lúc đó đang còn ướm và đang còn làm chia rẽ đất nước, nhưng vì lòng nhân đạo, họ đã bỏ qua. Đây là một đặc tính rất đặc biệt của nước Mỹ, đặc tính thứ ba mà tôi được chứng kiến, đó là lòng nhân đạo bao la, mà nói chung ai là người Mỹ, bất cứ gốc gác hay màu da – Pháp, Anh, Ý, Đức, Hung, Nga, Nhật, Tàu, Thái, Đại Hàn, trắng, đen, vàng ... – đều có.

Nguyễn Khắc Lộc, tháng 4 năm 2020